

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 3451/2024/DS-ST

Ngày: 30/7/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:* Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1182/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3768/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5209/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H (có đơn xin vắng mặt)

(Giấy ủy quyền ngày 16/5/2024)

- *Bị đơn:* Ông Đinh Viết P, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: B đường A, khu phố V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) có người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ngày 23/6/2022, Ông Đinh Viết P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, lãi suất, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông Đinh Viết P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, (Năm mươi triệu đồng). Dựa trên hạn mức tín dụng mà Ngân hàng đã cấp để sử dụng thẻ tín dụng Ông P thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng App S1 (viết tắt là S1) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng Ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.812.000 đồng, trong đó khoản dư nợ thẻ tín dụng là 21.812.000 đồng, khoản dư nợ vay trên ứng dụng App S1 là 40.000.000 đồng (với kỳ hạn trả 36 tháng, lãi suất 0.9%/tháng, trả góp đều hàng tháng).

Quá trình sử dụng thẻ từ ngày 10/7/2022 đến 10/2/2023 ông P đã thanh toán cho Ngân hàng 02 khoản vay trên với số tiền là 15.525.235 đồng, (Trong đó thanh toán thẻ tín dụng số tiền là 9.560.787 đồng, thanh toán vay trả góp trên S1 Pay số tiền là 5.964.448 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo (Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang S1 www.S1.com.vnc thẻ như sau:

1/ Đối với khoản vay thẻ tín dụng:

Lãi suất thẻ tín dụng được áp dụng từng thời điểm giao dịch và được niêm yết trên bảng biểu phí, lãi tại trang S1.com.vn từ 1% - 2.77% tháng. Tính đến ngày 10/02/2023 ông P đã thanh toán: Trả vốn: 8.440.179 đồng; Phí trễ hạn: 100.000 đồng; Lãi: 721.608 đồng; P1 sử dụng thẻ: 299.000 đồng; Tổng trả: 9.560.787 đồng (Bằng chữ: Chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng)

Kể từ ngày 10/02/2023 ông P đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền ông đã sử dụng. Ngân hàng nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngày 10/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ ông P và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến nay khoản nợ trên đã quá hạn (nhóm 5,523 ngày)

Như vậy tính đến ngày 30/7/2024 ông P còn nợ số tiền là:

+Nợ vốn: 13.144.000 đồng; Phí trễ hạn: 300.000 đồng; Lãi: 10.186.912 đồng; Tổng cộng: 23.630.912 đồng; (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn chín trăm mười hai đồng)

2/ Đối với khoản vay trả góp trên S1 Pay dựa vào hạn mức được cấp từ thẻ: Tính đến ngày 25/11/2022 ông P đã thanh toán: Trả vốn: 4.004.448 đồng; Trả lãi: 1.800.000 đồng; Phí trễ hạn: 160.000 đồng; Tổng cộng: 5.964.448 đồng (Bằng chữ: Năm triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng)

Kể từ ngày 26/11/2022 ông P đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền ông đã sử dụng. Ngân hàng nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngày 25/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền vay trên ứng dụng App S1 và chuyển toàn bộ dư nợ trên sang nợ quá hạn thẻ tín dụng và áp dụng lãi suất thẻ theo từng thời kỳ được Ngân hàng niêm yết tại trang Website S1 www.S1.com.vn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến nay khoản nợ trên đã quá hạn (nhóm 5,396 ngày). Như vậy tính đến ngày 30/7/2024, ông P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 35.995.552 đồng; Lãi: 15.865.673 đồng; P1 trễ hạn: 320.000 đồng; Tổng cộng: 52.181.225 đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu một trăm tám mươi một ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1/ Buộc Ông Đinh Viết P phải trả ngay cho Ngân hàng 02 khoản vay với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 75.812.137 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu tám trăm mười hai ngàn một trăm ba mươi bảy đồng), trong đó nợ thẻ tín dụng là 23.630.912 đồng, nợ vay trả góp S1 Pay là 52.181.225 đồng.

2/ Và Ông Đinh Viết P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

* Bị đơn ông Đinh Viết P đã được Toà án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Toà án nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của ông P được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Đinh Viết P có nơi cư trú tại Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Đinh Viết P đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

Ông Nguyễn Trung H, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đinh Viết P đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng nộp, có cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và ông Đinh Viết P đã phát sinh quan hệ vay tài sản thông qua Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, lãi suất, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Đinh Viết P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, (Năm mươi triệu đồng). Dựa trên hạn mức tín dụng mà Ngân hàng đã cấp để sử dụng thẻ tín dụng Ông P thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng App S1 (viết tắt là S1) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/7/2024 ông Đinh Viết P còn nợ Ngân hàng 02 khoản vay với tổng số tiền

tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 75.812.137 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu tám trăm mười hai ngàn một trăm ba mươi bảy đồng), trong đó nợ thẻ tín dụng là 23.630.912 đồng, nợ vay trả góp App S1 Pay là 52.181.225 đồng

Tại phiên toà, ngoài các chứng cứ do Ngân hàng nộp cho Toà án, ông Đinh Viết P không nộp bất cứ chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đinh Viết P phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên.

Ông Đinh Viết P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, lãi suất, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Viết P phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Đinh Viết P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2024, số tiền là 75.812.137 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu tám trăm mười hai ngàn một trăm ba mươi bảy đồng), trong đó nợ thẻ tín dụng là 23.630.912 đồng, nợ vay trả góp App S1 là 52.181.225 đồng

Ông Đinh Viết P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, lãi suất, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Viết P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.790.607 đồng

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. H1 lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1,472,323 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005137 ngày

28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Minh Tú